Top of Form

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | |  |   **NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII-KỲ HỌP THỨ 10**  **NGHỊ QUYẾT**  **Quy định thẩm quyền tặng quà và mức quà tặng mừng thọ**  **người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**   |  | | --- | |  | |  |  |   (NQ số 51/2019/NQ-HĐND ngày 12-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII-KỲ HỌP THỨ 10**    *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 25 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;*  *Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*  *Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;*  *Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;*  *Xét Tờ trình số 933/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết quy định thẩm quyền tặng quà và mức quà tặng mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** **Quy định thẩm quyền tặng quà và mức quà tặng mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**  - Người cao tuổi thọ ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi được Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tặng quà với các mức như sau:  + Người cao tuổi trên 100 tuổi: 700.000 đồng/người;  + Người cao tuổi 95 tuổi        :  600.000 đồng/người;  + Người cao tuổi 85 tuổi         :  450.000 đồng/người;  + Người cao tuổi 80 tuổi         : 400.000 đồng/người;  + Người cao tuổi 75 tuổi         : 350.000 đồng/người;  + Người cao tuổi 70 tuổi         : 300.000 đồng/người.  - Việc tặng quà mừng thọ đối với người cao tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh bằng hiện vật, bằng tiền mặt hoặc bằng cả hiện vật và tiền mặt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội Người cao tuổi tại địa phương.  - Thẩm quyền tặng quà và mức quà tặng mừng thọ đối với người cao tuổi thọ 100 tuổi, người cao tuổi thọ 90 tuổi và các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính.  **Điều 2.** **Nguồn kinh phí**  - Kinh phí mừng thọ người cao tuổi thọ 100 tuổi và 90 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực của Ban công tác người cao tuổi cấp tỉnh).  - Kinh phí tặng quà người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.  **Điều 3. Tổ chức thực hiện**  1. Ban đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh có trách nhiệm lập danh sách người cao tuổi thọ 90 tuổi và thọ 100 tuổi gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để lập dự toán chi mừng thọ đảm bảo đúng đối tượng và định mức quy định; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch mừng thọ theo quy định.  Hội Người cao tuổi tại địa phương phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập danh sách tặng quà người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để lập dự toán chi mừng thọ đảm bảo đúng đối tượng và định mức quy định.  Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.  2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.  **Điều 4.** **Hiệu lực thi hành**  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Quy định mức trợ cấp đặc thù cho công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**  (NQ số 52/2019/NQ-HĐND ngày 12-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 10**    *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 25 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*  *Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*  *Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH  ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*  *Qua xem xét Tờ trình số 954/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức trợ cấp đặc thù cho công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;  Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Quy định mức trợ cấp đặc thù  Công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được hưởng mức trợ cấp đặc thù hàng tháng bằng một lần mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.    **Điều 2.** Nguồn kinh phí  Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp đặc thù do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.  Trường hợp Nhà nước thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở, kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ trợ cấp đặc thù thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước phù hợp với từng thời kỳ.  **Điều 3.** Tổ chức thực hiện  Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.  **Điều 4.** Hiệu lực thi hành  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng  8 năm 2019.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Quy định mức thu học phí đối với một số cơ sở giáo dục, đào tạo**  **trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**  (NQ số 53/2019/NQ-HĐND ngày 12-7-2019)    **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 10**    *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật giáo dục sửa đổi ngày 25 tháng 11 năm 2009;*  *Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*  *Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;*  *Xét Tờ trình số 955/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với một số cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Quy định mức thu học phí đối với một số cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình  1. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020.  *(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo)*  2. Mức thu học phí đối với các cơ sở đào tạo Cao đẳng, Trung cấp thuộc tỉnh quản lý năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021.  *(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo)*  **Điều 2.** Tổ chức thực hiện  Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.  **Điều 3.**Hiệu lực thi hành  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 7 năm 2019.  Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các nội dung quy định về mức thu học phí đào tạo Cao đẳng, Trung cấp năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 tại Khoản 2 Điều 1 Nghị Quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017**  **của HĐND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Dự án: Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tại tỉnh Quảng Bình**  (NQ số 54/2019/NQ-HĐND ngày 12-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10**  *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*  *Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*  *Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17/6/ 2009;*  *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*  *Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;*  *Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;*  *Căn cứ Hiệp định tài trợ số 6079-VN ngày 03/8/2018 giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế về Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển;*  *Thực hiện Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, vay vốn WB;*  *Xét Tờ trình số 977/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay của Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Dự án: Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tại tỉnh Quảng Bình, như sau:  1. Khoản  6, 9, 10 Mục I, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “6. Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 đến năm 2023”.  “9. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:  Tổng mức đầu tư dự án là:                                 21.982.000 USD  Trong đó:  - Vốn vay (IDA) của WB:                            17.689.000 USD  - Nguồn vốn đối ứng:                                   4.293.000 USD”  “10. Cơ chế tài chính trong nước:  Thực hiện theo Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 và Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.  a) Đối với phần vốn vay (IDA) của WB:  - Ngân sách trung ương cấp phát:    15.912.000 USD  - Tỉnh vay lại:                                   1.777.000 USD  - Toàn bộ phần vốn vay lại được thực hiện theo Hợp đồng vay phụ được ký giữa đại diện UBND tỉnh Quảng Bình và Bộ Tài chính và sẽ được giao cho Chủ Dự án quản lý, sử dụng đầu tư xây dựng các hạng mục công trình được phê duyệt và nội dung ký kết trong Hiệp định vay vốn. Điều kiện vay lại áp dụng theo quy định của Chính phủ.  b) Đối với phần vốn đối ứng:  - Vốn đối ứng do NSTW cấp: 932.000 USD  - Vốn đối ứng do ngân sách địa phương cân đối: 3.361.000 USD. UBND tỉnh tự cấn đối, bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh”  2. Khoản 1, 3 Mục II, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “1.   Về phương án sử dụng vốn:  a) Toàn bộ phần vốn vay (IDA) của WB là 17.689.00 USD (Ngân sách trung ương cấp phát 15.912.000 USD; tỉnh vay lại 1.777.000 USD): Không bao gồm thuế và phí, được sử dụng để thực hiện các hoạt động của Hợp phần 2; Hợp phần 3 và chi trả lương cho chuyên gia môi trường, an toàn xã hội của Hợp phần 4.  b) Vốn đối ứng (3.361.000 USD): Được sử dụng để thanh toán thuế, phí; các hoạt động không sử dụng vốn ODA của Hợp phần 2, Hợp phần 3 và Hợp phần 4.”  “3. Tổng giá trị vay lại: 1.777.000 USD”  3. Thay thế Phụ lục 1, 2 tại Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND bằng Phụ lục 1, 2 kèm theo Nghị quyết này.4.       Khi Hiệp định vay được điều chỉnh thời gian thực hiện, giao UBND tỉnh thực hiện việc vay và trả nợ theo thời gian sau khi điều chỉnh.  **Điều 2.** HĐND tỉnh giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị quyết này.  **Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp  thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân**  **tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016-2021**  (NQ số 54/NQ-HĐND ngày 10-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10**    Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;  Sau khi xem xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,    **QUYẾT NGHỊ:**    **Điều 1.** Nhất trí miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông:  1. Ông Từ Hồng Sơn, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Giám đốc Công an tỉnh, nghỉ công tác chờ hưởng chế độ hưu trí;  2. Ông Nguyễn Văn Man, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, chuyển công tác khác;  3. Ông Đinh Hữu Thành, Tỉnh ủy viên, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, chuyển công tác khác.  **Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan và các ông có tên tại Điều 1 thực hiện Nghị quyết này.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân**  **tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021**  (NQ số 55/NQ-HĐND ngày 10-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**    Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;  Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021,  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung ông Phan Mạnh Hùng, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính, trúng cử Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021.  *(Có Biên bản kiểm phiếu bầu cử và lý lịch trích ngang kèm theo)*  **Điều 2.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân**  **tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**  (NQ số 56/NQ-HĐND ngày 10-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**    Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Xét Tờ trình số 101/TTr-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021;  Căn cứ kết quả biểu quyết miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trương An Ninh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Nhất trí miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trương An Ninh.  **Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách**  **Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  (NQ số 57/NQ-HĐND ngày 10-7-2019)  **KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**    Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Xét Tờ trình số 102/TTr-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021;  Căn cứ kết quả biểu quyết miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trương An Ninh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Nhất trí miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trương An Ninh.  **Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan và ông Trương An Ninh thực hiện Nghị quyết này.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh**  **Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình**  **khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**  (NQ số 58/NQ-HĐND ngày 10-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**    Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Xét Tờ trình số 103/TTr-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021;  Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021,  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung ông Nguyễn Lương Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021, trúng cử chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.  *(Có Biên bản kiểm phiếu bầu cử và lý lịch trích ngang kèm theo).*  **Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả bầu cử theo quy định của pháp luật.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh**  **Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình**  **khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**  (NQ số 59/NQ-HĐND ngày 10-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**    Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Xét Tờ trình số 104/TTr-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung chức danh Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021;  Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung chức danh Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021,  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung ông Nguyễn Lương Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021, trúng cử chức danh Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.  *(Có Biên bản kiểm phiếu bầu cử và lý lịch trích ngang kèm theo).*  **Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan và ông Nguyễn Lương Bình thực hiện Nghị quyết này.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang**  **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích**  **sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**  (NQ số 60/NQ-HĐND ngày 12-7-2019)  **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  **KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**              Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;            Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;            Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Quảng Bình;  Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;  Qua xem xét Tờ trình số 975/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,  **QUYẾT NGHỊ:**  **Điều 1.** Thông qua bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình gồm 48 dự án với tổng diện tích 2.720.754,0 m2, cụ thể như sau:          1. Bổ sung, điều chỉnh 43 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai, trong đó:          - Bổ sung 35 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 22 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và 01 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ theo Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai);          - Điều chỉnh 08 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 (trong đó có 03 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai).  2. Bổ sung, điều chỉnh 05 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, trong đó:  - Bổ sung 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai;          - Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2017.  *(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)*  **Điều 2.**Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.  Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.  **Chủ tịch**  (Đã ký)  **Hoàng Đăng Quang** |